

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2019/HNGĐ – ST**
Ngày 14/11/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lương Anh Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Công Từ và ông Nguyễn Huy Hiễn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N – sinh năm 198...

Địa chỉ: Xóm B, xã Quỳnh Ch, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công L – sinh năm 198....

Địa chỉ: Xóm A, xã Nghĩa T, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Công L có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 08 năm 2014, tại UBND xã Quỳnh Ch, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại xã Quỳnh Ch,

huyện Quỳnh Lưu, sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, anh L không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc. Do vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên anh L bỏ về nhà tại xóm A, xã Nghĩa T, huyện Nghĩa Đ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau vợ chồng không ai quan tâm, hỏi han gì đến nhau nữa. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Công L: Quá trình nộp hồ sơ tại Tòa án, Chị N đã gửi cho anh L đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án cũng đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh L nhưng anh L vẫn cố tình không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh L vẫn không có mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt anh L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các giấy tờ hợp lệ, làm thủ tục niêm yết công khai tại địa phương nhưng vẫn không chấp hành.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N là được ly hôn với anh Nguyễn Công L. Về con cái: Chị N và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. *Về thẩm quyền giải quyết*: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị Trần Thị N.

2. *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Công L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Công L có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh L không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn ngày càng kéo dài và nghiêm trọng, cuộc sống gia đình căng thẳng, áp lực nên anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Anh L mặc dù biết chị N làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L lên Tòa án để hòa giải nhưng anh L vẫn không có mặt. Điều đó thể hiện anh L không có thiện chí muốn hòa giải để vợ chồng trở về sống đoàn tụ với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N là được ly hôn với anh Nguyễn Công L.

4. *Về nuôi con*: Chị N và anh L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

6. *Về án phí*: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 và điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N là được ly hôn với anh Nguyễn Công L.

2. Về nuôi con: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Công L chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0001463 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn là chị Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Công L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghĩa Đ;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đ;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Ch, huyện.Quỳnh L
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân